

**BÁO CÁO**

**sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW  
của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng  
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

-----

Thực hiện Kế hoạch số 232-KH/BKTTW ngày 27/3/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về việc tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế và Công văn số 4417-CV/BKTTW ngày 27/3/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về việc xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ báo cáo như sau:

**I- CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Tiếp thu Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 39-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc triển khai, quán triệt đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình lãnh đạo thực hiện để bảo đảm công tác triển khai đạt hiệu quả. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo Uỷ ban nhân dân Tỉnh cụ thể hoá và triển khai thực hiện<sup>(1)</sup>. Hàng năm rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, lồng ghép chỉ tiêu vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Chương trình hành động, Nghị quyết, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Hội đồng nhân dân Tỉnh, Uỷ ban nhân dân Tỉnh, bảo đảm được sự nhất quán trong quan điểm lãnh đạo, thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện. Từ năm 2019 đến năm 2023, Tỉnh ban hành 41 văn bản quy phạm pháp luật có tác động nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế.

<sup>(1)</sup> Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 23/11/2020 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh.

*Nhìn chung*, việc tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW, ý thức nghiên cứu và nhận thức của đa số cán bộ, đảng viên về quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế được nâng lên, nắm vững những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Nghị quyết; việc kiểm kê nguồn lực được thực hiện hàng năm giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành diễn ra sâu sát, mang lại nhiều kết quả quan trọng.

*(Có Phụ lục 1 kèm theo)*

## **II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW**

### **1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết**

#### ***1.1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm***

Trong chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về quản lý, sử dụng nguồn lực luôn bảo đảm kế thừa, phát triển dựa trên 05 quan điểm của Nghị quyết số 39-NQ/TW. Xác định đây là căn cứ quan trọng trong quá trình xây dựng văn kiện, Nghị quyết, Kết luận, Chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh uỷ trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong quá trình thực hiện luôn có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất giữa cấp lãnh đạo và cấp quản lý trên địa bàn Tỉnh. Huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế.

Công tác kiểm kê đánh giá nguồn lực của nền kinh tế được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo hướng dẫn của Trung ương<sup>(2)</sup>. Từ đó đề ra phương hướng phát triển phù hợp, hoàn thiện các công cụ hoạch định và quản lý, nhất là Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng cách thức thực hiện mục tiêu rõ ràng, sát thực tiễn, thực hiện có hiệu quả những vấn đề lớn, cấp thiết, mang tính đột phá, mang lại nhiều kết quả quan trọng, nâng cao đời sống nhân dân và sự thành công trong những quyết định về chính sách phát triển kinh tế.

Thực hiện đa dạng hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, Tỉnh chủ trương lấy đầu tư từ vốn khu vực nhà nước làm "vốn môi" để thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, xem trọng vai trò và sự đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân. Phát huy vai trò của doanh nghiệp có vốn nhà nước trong ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của Tỉnh. Quyết liệt thực hiện chủ trương của Chính phủ về cổ phần hoá, thoái vốn theo lộ trình, hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp. Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập hướng đến mục tiêu giảm chi từ ngân sách nhà nước.

---

<sup>(2)</sup> Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo hàng năm: Năm 2023 (Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 01/04/2024); Năm 2022 (Báo cáo 75/BC-UBND ngày 21/02/2023); Năm 2021 (Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 25/05/2022).

Công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực được quan tâm quán triệt và chỉ đạo thực hiện thường xuyên, bằng nhiều văn bản. Trong bối cảnh nguồn cung ứng cát san lấp khan hiếm, Tỉnh đã đề ra phương án, lộ trình cung ứng cát chặt chẽ, ưu tiên cho các dự án trọng điểm quốc gia theo cơ chế đặc thù, các dự án lớn có sức lan tỏa để phát huy tối đa hiệu quả, tránh lãng phí, cạn kiệt nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

Giai đoạn 2019 - 2023, Tỉnh đã thu hút được 115 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 19.962 tỷ đồng (*có 08 dự án FDI, tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.364 tỷ đồng*). Qua đó, góp phần làm tăng tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2019 - 2023 đạt hơn 98.000 tỷ đồng, cao hơn 25.000 tỷ đồng so giai đoạn 2014 - 2018, chiếm tỷ lệ 21,2% GRDP.

## ***1.2. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu***

### ***1.2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát***

Các nguồn lực của nền kinh tế tiếp tục được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, duy trì tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của Tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 05 năm (2019 - 2023) đạt 4,14%/năm, cả 03 khu vực kinh tế đều đạt mức tăng trưởng nhất định. Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng, năm 2023, đạt hơn 109 nghìn tỷ đồng (*xếp thứ 06 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*), GRDP bình quân/người ước đạt 68,37 triệu đồng (*tương đương với 2.873 USD*), tăng 1,44 lần so với năm 2018. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Xã hội tiếp tục được duy trì sự phát triển ổn định, đời sống nhân dân được nâng lên, với thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 60,9 triệu đồng (*xếp thứ 02 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*), tăng 1,55 lần so năm 2018 (*trong đó, khu vực thành thị là 66,5 triệu đồng, khu vực nông thôn là 59,4 triệu đồng*), nhiều mô hình sản xuất mới được hình thành, tiếp tục tạo sự chuyển biến trong phát triển kinh tế nông nghiệp, từng bước nâng cao thu nhập của người dân; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

### ***1.2.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2019 - 2023***

Qua 05 năm triển khai thực hiện, kinh tế của Tỉnh tiếp tục tăng trưởng, các chỉ tiêu cơ bản đạt lộ trình kế hoạch hàng năm đề ra; tuy nhiên, có 02 chỉ tiêu (*Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân trên địa bàn; đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển các cụm ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao*) chưa đạt lộ trình kế hoạch hàng năm, cụ thể như sau:

- *Đối với nguồn nhân lực*

+ Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm và thủy sản đến năm 2023 còn 43,7% (*năm 2018 là 50,5%*), đạt chỉ tiêu so mục tiêu lộ trình hàng năm Kế hoạch đề ra. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2023 đạt 75,4% (*năm 2018 là 64,1%*), đạt chỉ tiêu so mục tiêu lộ trình hàng năm Kế hoạch đề ra.

+ Cơ bản khắc phục tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực, chủ động khảo sát nắm bắt nhu cầu tuyển dụng tại 666 doanh nghiệp (*nhu cầu tuyển dụng 29.760 lao động*), hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 37.000 lao động; giai đoạn 2019 - 2023, có gần 8.500 lao động tham gia Chương trình đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng. Thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm gắn với sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế. Có 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh đã xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định. Trong giai đoạn 2019 - 2023, đã được giảm 24 phòng, 04 Chi cục thuộc các thuộc các sở, ngành Tỉnh, 79 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 78 biên chế hành chính và 2.545 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

+ Đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao. Giai đoạn 2019 -2023, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng 7.052 người, trung cấp 13.954 người, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 73.346 người (*đạt 107,2% kế hoạch*). Tuy nhiên, Tỉnh hiện còn thiếu nhân lực kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu trên các lĩnh vực y tế, chuyển đổi số. Bước đầu định hình kinh tế tri thức trên địa bàn Tỉnh, nổi bật là lĩnh vực công nghệ thông tin ứng dụng rộng rãi trên địa bàn Tỉnh<sup>(3)</sup>, có 13 doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được công nhận; năng suất lao động tiếp tục được nâng cao, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2019 - 2023 đạt 8,4%.

- *Đối với nguồn vật lực*

+ Nhiều cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên được ban hành. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng chặt chẽ, nhất là tài nguyên cát, đất sét; diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng đạt 100%. Tỉnh đang lập đề án đầu tư trạm quan trắc tự động giai đoạn 2021 - 2025 với 06 trạm và xây dựng 02 trạm từ ngân sách nhà nước cho hội quán theo chương trình chuyển đổi số góp phần bảo vệ môi trường trước các tác nhân gây ô nhiễm.

<sup>(3)</sup> Có 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trên 58% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử; 83% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định; trên 75% dân số có tài khoản thanh toán điện tử; 100% dân số có danh tính số; trên 80% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số...

+ Hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện. Nhiều dự án, công trình lớn kết nối với các tỉnh, thành phố trong khu vực được triển khai (*cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ (đã hoàn thành), cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1, tuyến tránh Quốc lộ 30 - đoạn thành phố Cao Lãnh đang thi công*), đường Tỉnh hoàn thành 16/23 dự án, đang triển khai 07/23 dự án.

- *Đối với nguồn tài lực*

Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân trên địa bàn giai đoạn 2019 - 2023 khoảng 3,6%/năm, giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện qua từng năm và đạt 98,7% vào năm 2023.

Dự kiến đến năm 2025, 2035 và 2045, các nhóm mục tiêu cụ thể nêu trên tiếp tục hoàn thiện và phấn đấu hoàn thành.

(*Có Phụ lục 2 kèm theo*)

## **2. Kết quả phát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp**

### **2.1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung**

Các cơ chế, chính sách của Tỉnh ngày càng hoàn thiện, nhất là các chính sách về quản lý đất đai, đầu tư công thuộc thẩm quyền của địa phương được rà soát thường xuyên để sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định mới của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương. Ngoài ra, Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, góp phần khơi thông và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực kinh tế hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện công khai, minh bạch, theo đúng quy định trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực.

Mô hình tăng trưởng của Tỉnh đang dần chuyển từ chiều rộng sang mô hình tăng trưởng vừa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu. Giai đoạn 2019 - 2023, tăng trưởng kinh tế của Tỉnh đạt 4,14%/năm; trong đó năm 2022, phục hồi tốt sau đại dịch Covid-19, với mức tăng trưởng 8,62%, các năm còn lại tuy tăng trưởng ở mức vừa phải. Năng suất lao động năm 2023 đạt hơn 120 triệu đồng, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2018. Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (*sau đây viết tắt là TFP*) vào tăng trưởng GRDP có xu hướng tăng, tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2019 - 2023 là 66,4% (*giai đoạn 2014 - 2018 là 28,7%*). Trong đó, đóng góp của TFP vào tăng trưởng các khu vực I, II, III lần lượt là 109,5%; -21,3%; 20,1% (*giai đoạn 2014 - 2018, đóng góp của TFP vào tăng trưởng các khu vực I, II, III lần lượt là 60,3%; 24,7%; -30,2%*). Đây là sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế theo hướng tập trung vào chất lượng tăng trưởng như: Nâng cao chất lượng lao động, chất lượng về vốn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế theo Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025. Nhiều sản phẩm có lợi thế của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao và đã tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tiêu biểu là ngành hàng gạo và thủy sản chế biến. Đến năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu (*không tính hàng tạm nhập tái xuất*) đạt 1.291 triệu USD, tăng 1,08 lần so năm 2018. Trong đó, mặt hàng gạo và thủy sản chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, lần lượt đạt 324 triệu USD và 629 triệu USD (*năm 2018 đạt lần lượt 124 triệu USD và 995 triệu USD*).

Tăng cường ứng dụng và sử dụng các công cụ đánh giá, theo dõi hiệu quả điều hành và quản trị thực tiễn vào địa phương như bộ Chỉ số PAPI, PCI, PAR, Index, đánh giá tác động của công tác đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối chất lượng cung ứng dịch vụ công. Qua đó, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đạt kết quả tích cực, chủ trương "*Đồng hành cùng doanh nghiệp*" tiếp tục được khẳng định qua Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đều xếp trong nhóm 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu, nối dài chuỗi 16 năm liên tiếp chỉ số PCI nằm trong nhóm 05 địa phương có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước.

Kinh tế nhà nước tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo. Khu vực vốn nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2019 - 2023 dao động từ 5.000 tỷ đồng đến 6.700 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng qua các năm khoảng 11%/năm, tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm, có quy mô. Theo đó, đã đưa vào khởi công dự án cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1, hoàn thành tuyến cao tốc Bắc Nam phía Tây (*đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp*), đang thực hiện các thủ tục đầu tư dự án cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh. Các doanh nghiệp nhà nước hoặc có vốn nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ thoái hoá vốn theo lộ trình, phát huy được vai trò trong các lĩnh vực trọng yếu của Tỉnh (*cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; kinh doanh xăng dầu*), đóng góp nguồn thu ngân sách để tái đầu tư cho xã hội<sup>(4)</sup>.

Nâng cao năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp thông qua các chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ. Giai đoạn 2019 - 2023, thực hiện hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho 01 doanh nghiệp, với kinh phí là 100 triệu đồng; đã cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho 13 doanh nghiệp, cấp 08 giấy chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp<sup>(5)</sup>.

<sup>(4)</sup> Hiện nay, tỉnh Đồng Tháp còn 01 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (*Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Đồng Tháp*) và 03 công ty cổ phần có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý (*Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp*).

<sup>(5)</sup> Cơ sở chế biến củ ấu Phong Linh; Trại lươn giống Trung An; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản Đồng Tháp Aqua; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim Nhung Đồng Tháp; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phụ Gia Thực Phẩm Pha Lê; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Mỹ Long; Công ty cổ phần đầu tư thương mại xây dựng dịch vụ và sản xuất ECOHOME; Công ty Trách nhiệm hữu hạn giải pháp công nghệ ứng dụng.

Tạo được sự chuyển biến trong nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện các công cụ hoạch định và quản lý đối với phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực để quyết định đầu tư và kêu gọi đầu tư (*Danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025; Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...*). Qua đó, quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế được bảo đảm hơn. Việc đổi mới, sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh; kinh tế tập thể từng bước được đổi mới, chủ động trong hợp tác, liên kết đầu tư và phát triển, tham gia chuỗi giá trị ngành hàng, giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp, hiệu quả và lợi ích cho thành viên; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò đóng góp trong tăng trưởng kinh tế với đội ngũ doanh nhân không ngừng lớn mạnh. Hoạt động của các thị trường càng sôi động, Nhà nước thực hiện chức năng quản lý không can thiệp sâu vào các hoạt động kinh tế.

Nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đạo đức công vụ được nâng lên, biểu hiện cụ thể như tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân; tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn nhân dân về quy trình xử lý công việc; nhiều mô hình hiệu quả đang được triển khai tại Tỉnh<sup>(6)</sup>. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 31/12/2021 về xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo; trong đó, đề cao việc phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Tỉnh. Công tác phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn các hành vi cửa quyền được thực hiện tốt<sup>(7)</sup> góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội; kết quả hàng năm, tỉnh Đồng Tháp đều đứng hạng đầu các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long về Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*Kế hoạch số 195-KH/TU*

<sup>(6)</sup> Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tiếp nhận và xử lý hỏi đáp thông tin kịp thời, đạt tỷ lệ trên 99%; hoạt động Trung tâm Hành chính công tiếp tục duy trì hiệu quả, số hồ sơ được xem xét, giải quyết đúng và trước hạn đạt 100%; mô hình "Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp"; nhiều cơ quan từ tỉnh đến cấp xã triển khai khẩu hiệu "6 biết" tại đơn vị; mô hình "Lãnh đạo tỉnh gặp gỡ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính";

<sup>(7)</sup> Hàng năm đạt trên 91% số vụ việc thuộc thẩm quyền; tỷ lệ đơn tố cáo được giải quyết đạt 100%. Từ năm 2021 đến năm 2023, Ủy ban nhân dân Tỉnh tiếp nhận, trả lời công khai minh bạch hơn 350 ý kiến, kiến nghị của cử tri; 5.542 phản ánh, kiến nghị, hỏi đáp thông tin liên quan đến thủ tục hành chính qua Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022.

ngày 28/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã cụ thể hoá và định hướng rõ ràng. Tỉnh thành lập Trung tâm Chuyển đổi số, Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC); cung cấp 900 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (*chiếm 50,4%*); 100% khóm, ấp trên địa bàn Tỉnh đã phủ sóng thông tin di động 3G, 4G...

## **2.2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực**

### **2.2.1. Đối với nguồn nhân lực**

- *Nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực*

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chất lượng nguồn nhân lực từng bước được đổi mới. Các cấp uỷ, chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị từ Tỉnh đến xã đã tổ chức triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt các chủ trương chính sách về đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kết nối cung cầu lao động.

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng. Ban Chấp hành đảng bộ Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2021 về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp, qua đó đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông duy trì ở mức khá, kết quả thi học sinh giỏi xếp trong nhóm đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông cao hơn mặt bằng chung của khu vực và cả nước.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 08/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục thông qua cuộc vận động "*Hai không*" của ngành và phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*", Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân Tỉnh thực hiện đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong ngành giáo dục theo hướng "*không lấy kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông để đánh giá, xếp loại thi đua của giáo viên, nhà trường và địa phương*"; tôn vinh đúng đối tượng nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua.

Chương trình đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm, cơ bản đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Việc liên kết và hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo được có nhiều chuyển biến<sup>(8)</sup>; tính đến nay toàn Tỉnh các cơ sở giáo dục nghề nghiệp<sup>(9)</sup>, Trường Đại học Đồng Tháp có 23 Chương đào tạo đạt kiểm định chất lượng;

<sup>(8)</sup> Đã có một số hoạt động phối hợp về giáo dục, nghiên cứu khoa học với tỉnh Chăm-pa-sắc (Lào), Trường Đại học Thammasat (Thái Lan), trường Đại học Kỹ thuật Minh Tân - Đà Loan, tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tập, thực tập sư phạm, tiếp nhận tình nguyện viên người nước ngoài giảng dạy, trợ giảng ngoại ngữ.

<sup>(9)</sup> Công lập 25 cơ sở, ngoài công lập 04 cơ sở; Có 02 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp; 08 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 12 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; 04 doanh nghiệp có hoạt động giáo dục nghề nghiệp.



Trường Cao đẳng Cộng đồng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Trường Cao đẳng Y tế đang thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn cấp độ ASEAN và Quốc gia. Các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn Tỉnh cũng đã ký kết hợp tác đào tạo, cung ứng lao động cho 121 doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh, với ngành nghề chủ yếu công nghệ ô tô, điện công nghiệp, hàn, xây dựng, chế biến.

Giai đoạn 2019 - 2023, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh đào tạo 94.352 người<sup>(10)</sup>, đạt 107,2% kế hoạch (*kế hoạch 88.000 người*); năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 75,4%, trong đó, qua đào tạo nghề ước đạt 54,2%, tỷ lệ lao động sau đào tạo có việc làm đạt từ 86% trở lên<sup>(11)</sup>.

Công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực được đổi mới, hướng mạnh về cơ sở, sâu sát địa bàn dân cư để nắm bắt nguyện vọng, khó khăn của nhân dân để huy động, phân luồng định hướng nghề nghiệp cho học sinh, hỗ trợ học sinh ra lớp và người lao động tham gia đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm. Hệ thống thông tin và các hình thức vui chơi giải trí ngày càng đa dạng nhờ sự phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thể thao phong trào và quần chúng phát triển rộng khắp từ cấp Tỉnh đến cấp cơ sở, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần và tăng thể lực góp phần có cuộc sống lành mạnh, có khả năng làm việc tốt hơn.

#### *- Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực*

Công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực được đổi mới, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo Uỷ ban nhân dân Tỉnh quản lý chặt chẽ "*đầu vào*" của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới; chú trọng cải thiện môi trường lao động, nhất là ứng dụng nhiều máy móc, thiết bị công nghệ thông tin vào công việc để hoạt động công vụ thực hiện tốt hơn. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức chú trọng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm, phương pháp trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là hiệu quả công việc, gắn trách nhiệm cá nhân với tập thể, gắn kết quả của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý với kết quả của địa phương, đơn vị.

Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ được đổi mới theo hướng gắn với đánh giá phân loại hàng năm và vị trí việc làm, quy hoạch; kịp thời ban hành một số chính sách có tác động khuyến khích cán bộ ra sức học tập nâng cao trình độ<sup>(12)</sup>;

<sup>(10)</sup> Trình độ cao đẳng 7.052 người, trung cấp 13.954 người, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 73.346 người.

<sup>(11)</sup> Tỷ lệ học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng ra trường có việc làm đạt trên 95%; đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỷ lệ học viên có việc làm đạt trên 86% các lớp dạy nghề theo địa chỉ sau khi kết thúc có 100% lao động có việc làm ngay và có thu nhập ổn định.

<sup>(12)</sup> Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh: Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số

kết quả, đã tổ chức và cử 110.766 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tỷ lệ công chức từ cấp huyện trở lên có trình độ từ đại học năm 2023 đạt 99%, tăng 3% so với năm 2018; tỷ lệ viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập có trình độ từ đại học năm 2023 đạt 80%, tăng 13% so với năm 2018.

Qua kết quả đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, các đơn vị được chủ động hơn trong việc sử dụng kinh phí, tài sản, biên chế để thực hiện nhiệm vụ, từ đó, chất lượng và tiến độ công việc hiệu quả hơn; tăng nguồn thu và kinh phí tiết kiệm chi, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động; năm 2023, toàn Tỉnh hiện có 735 đơn vị sự nghiệp công lập<sup>(13)</sup>, giảm 85 đơn vị so năm 2018 (*tương đương 10,4%*)<sup>(14)</sup>.

### 2.2.2. Đối với nguồn vật lực

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương ngày càng hoàn thiện, đổi mới căn bản và toàn diện công tác xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và tài chính công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở phân bổ các nguồn lực đầu tư kích thích các nguồn lực đầu tư toàn xã hội. Kịp thời cho chủ trương tháo gỡ khó khăn trong khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản<sup>(15)</sup>, thành lập các Tổ kiểm tra liên ngành để tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản (cát) trên địa bàn Tỉnh<sup>(16)</sup>.

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Tỉnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu<sup>(17)</sup> góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác đất nông nghiệp. Trọng tâm tập trung phát triển 05 ngành hàng chủ lực của Tỉnh (*lúa gạo, xoài, sen, hoa kiểng và cá tra*), giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2023 đạt 69.767 tỷ đồng, tăng hơn 11.000 tỷ đồng so với năm 2018, nhiều mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai mang lại hiệu quả và tiếp tục được nhân rộng<sup>(18)</sup>.

208/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh; Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

<sup>(13)</sup> Gồm: 10 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 48 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 78 đơn vị đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên và 599 đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

<sup>(14)</sup> Tại thời điểm năm 2018, toàn Tỉnh có 820 đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó, có 05 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 39 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 49 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 727 đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

<sup>(15)</sup> Hội đồng nhân dân Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn thực hiện Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 08/7/2009 và Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

<sup>(16)</sup> Giai đoạn 2019 - 2023 đã kiểm tra và ban hành 06 Quyết định xử phạt hành chính đối với lĩnh vực khoáng sản (*cát sông*) tổng số tiền 151 triệu đồng và thu khoáng sản trị giá quy đổi 175 triệu đồng.

<sup>(17)</sup> Trong giai đoạn từ 2019 - 2023 đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt 43.820,5 ha.

<sup>(18)</sup> Mô hình 3G3T, 1P5G thuộc sự án VnSAT; Mô hình lúa - thủy sản, lúa - vịt - Thủy sản thuộc dự án WB9; mô hình "hoàn thiện và mở rộng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến xây dựng thương hiệu sản phẩm" tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Thăng Lợi và Mỹ Đông 2; các mô hình sản xuất an toàn, bền vững, sản xuất hữu cơ trên lúa, xoài, cây ăn trái khác; Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học....

Tình hình sử dụng đất đai ổn định, nhiều loại thủ tục hành chính liên quan đến đất đai được rút ngắn, nhất là các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất<sup>(19)</sup>. Đã hoàn thành công tác quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 12 huyện, thành phố và tổ chức công bố, công khai theo quy định. Công tác rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các dự án, công trình đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng được quan tâm thực hiện thường xuyên, giai đoạn 2019 - 2023, Tỉnh đã ban hành 06 quyết định thu hồi đất đối với dự án chậm trễ, không có khả năng thực hiện. Đến nay, Tỉnh không phát sinh tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật.

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ phủ rừng và chất lượng rừng của địa phương, tỷ lệ che phủ rừng đạt 1,68%<sup>(20)</sup>. Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn Tỉnh đều được giao quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và bảo vệ theo quy định. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được quan tâm. Công tác tuần tra, bảo vệ rừng được thực hiện tốt, trong giai đoạn 2019 - 2023, đã xử lý 385 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, tổng số tiền xử phạt là hơn 832 triệu đồng.

Tăng cường quản lý nguồn tài nguyên nước, ưu tiên cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, nhất là dự án có công nghệ tiên tiến, hạn chế cấp phép khai thác nước ngầm để tiết kiệm tối đa việc sử dụng nước ngầm; thực hiện thanh tra, kiểm tra kịp thời hướng dẫn, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên kiểm soát các nguồn xả nước thải chưa xử lý hoặc nước thải không đạt quy chuẩn môi trường vào nguồn tiếp nhận và thu phí nước thải định kỳ đối với các dự án, cơ sở có phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động.

Các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế tiếp tục được hoàn thiện. Bên cạnh việc thực hiện các chủ trương, chính sách do Trung ương ban hành, Tỉnh đã ban hành thêm các chính sách huy động nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực<sup>(21)</sup>. Chất lượng tín dụng cung ứng kịp thời nguồn vốn phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công được tăng cường, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách của Tỉnh

<sup>(19)</sup> Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về xác lập thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất chỉ trong 14 ngày làm việc để có quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh. Và sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, người sử dụng đất chỉ mất 06 ngày được Ủy ban nhân dân Tỉnh ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

<sup>(20)</sup> Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố hiện trạng rừng Tỉnh năm 2022.

<sup>(21)</sup> Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2026 và các chính sách xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp; cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực và nội dung hỗ trợ; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn.

và định mức phân bổ<sup>(22)</sup>. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công qua các năm được cải thiện tốt, năm 2018 đạt 77,32% và đến năm 2023 đạt hơn 98,7%. Thường xuyên rà soát, kiến nghị Trung ương đầu tư, hỗ trợ kêu gọi đầu tư vào các công trình trọng điểm, nhất là trong lĩnh vực giao thông, đô thị, hạ tầng khu công nghiệp tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội<sup>(23)</sup>.

### 2.2.3. Đối với nguồn tài lực

Thu, chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng quy định. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu; các nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn bảo đảm đúng quy định. Chi từ ngân sách nhà nước của địa phương được thực hiện bảo đảm đúng dự toán, tiết kiệm, chống lãng phí; tiến hành rà soát việc không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối, bố trí được nguồn lực thực hiện. Giai đoạn 2019 - 2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được 40.633 tỷ đồng, đạt 106,7% dự toán, tăng hơn 11.000 tỷ đồng so với giai đoạn 2014 - 2018 (đạt 29.458 tỷ đồng). Chi cân đối ngân sách địa phương 92.451 tỷ đồng, đạt 149,7% dự toán, tăng 29.921 tỷ đồng so với giai đoạn 2014 - 2018 (đạt 62.530 tỷ đồng).

Lãnh đạo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh Đồng Tháp và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; trong đó, có quyết toán mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh Đồng Tháp chi tiết từng khoản vay và từng dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, bảo đảm không vượt trần hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương, bảo đảm trả nợ định kỳ theo đúng hợp đồng đã ký<sup>(24)</sup>. Việc quản lý các khoản nợ vay của chính quyền địa phương tuân thủ theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý

<sup>(22)</sup> Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh: Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17/8/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh; Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 28/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Nghị quyết số 379/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

<sup>(23)</sup> Khởi công dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu (dự án thành phần 1); cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh dự kiến khởi công trong năm 2024; cao tốc Cao Lãnh - Lộ Tè dự kiến khởi công trong quý II/2024, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ đã tổ chức khánh thành dự án vào ngày 24/12/2023; dự án tuyến tránh Quốc lộ 30 - đoạn đi qua thành phố Cao Lãnh dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024; hệ thống đường Tỉnh lộ: đã hoàn thành 16/23 công trình, đang triển khai thi công 06/23 công trình, chuẩn bị đầu tư 01/23 công trình; hệ thống giao thông đô thị: đã đầu tư xây dựng hoàn thành 03/24 dự án, đang triển khai thi công 12/24 dự án và chuẩn bị đầu tư 09/24 dự án. Có 03 Khu công nghiệp đang hoạt động (Khu công nghiệp Sa Đéc, Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn, Khu công nghiệp Sông Hậu) có tỷ lệ lấp đầy đạt 89,69%; có 12 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích 393,5 ha, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 187,22 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 85,29%.

<sup>(24)</sup> Hợp đồng số 12/2018/QLN-NTN ngày 30/10/2018 đã ký giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với Bộ Tài chính (Đại diện được ủy quyền là Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại).

nợ công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ, dư nợ vay ngân sách Tỉnh được kiểm soát chặt chẽ, tổng dư nợ trong giới hạn cho phép (*dưới 20% số thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp*).

Quỹ dự trữ tài chính địa phương được hình thành và trích lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hiện tại số dư của Quỹ dự trữ tài chính của địa phương trên tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp tính đến năm 2023 là 270 tỷ đồng (*giảm hơn 421 tỷ đồng so với năm 2018*). Nhìn chung, các chi nhánh ngân hàng thương mại chấp hành đúng quy định về niêm yết công khai tỷ giá giao dịch ngoại tệ và việc mua, bán, cho vay ngoại tệ; các tổ chức được cấp phép kinh doanh vàng miếng, vàng trang sức mỹ nghệ hoạt động đúng theo quy định của pháp luật.

Công tác quản lý, giám sát về bảo hiểm xã hội tại Tỉnh được nâng lên. Đến năm 2023, các chỉ tiêu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn đều tăng so với năm 2018; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,4%; tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 17%, trong đó: Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 14%, tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt gần 3,0%; tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 11,9%.

Tài sản công được quản lý chặt chẽ. Giai đoạn 2020 - 2022, đã thực hiện thanh lý, thu hồi bán 75 xe ô tô thuộc sở hữu nhà nước, điều chuyển cho đơn vị khác 11 xe. Sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước là 2.456 cơ sở (*tổng số 2.710 cơ sở*); số lượng chưa sắp xếp, xử lý là 254 cơ sở, không có cơ sở nhà, đất sử dụng sai mục đích được giao, bị lấn chiếm, có tranh chấp.

### **2.3. Những hạn chế**

#### **2.3.1. Đối với nguồn nhân lực**

- Bậc học mầm non, tiểu học vẫn còn tồn tại một số điểm lẻ, tỷ lệ học sinh/lớp còn thấp, quy mô một số trường còn nhỏ dẫn đến vẫn còn xảy ra việc thừa thiếu cục bộ giáo viên, gây lãng phí trong bố trí sử dụng biên chế, cơ sở vật chất.

- Năng lực đội ngũ nhà giáo trong giáo dục nghề nghiệp chưa thực sự đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực. Thu hút đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực chất lượng cao chưa hiệu quả.

- Một số viên chức và bác sĩ tốt nghiệp theo hình thức đặt hàng đào tạo không chấp hành sự phân công, xin nghỉ việc, xin bồi thường để chấm dứt hợp đồng; chất lượng cán bộ, viên chức ngành Y tế đôi khi chưa đáp ứng yêu cầu người dân.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin, nhất là nhân lực phục vụ chuyển đổi số của Tỉnh còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Việc rà soát, xây dựng chính sách thu hút nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đến làm việc, công tác tại tỉnh Đồng Tháp còn chậm. Chưa thực hiện được việc thu hút "người tài từ nước ngoài".

- Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm ở đơn vị sự nghiệp làm cơ sở trả lương theo vị trí việc làm, đẩy mạnh tự chủ quản lý, sử dụng nguồn nhân lực có thực hiện, nhưng một số nội dung Đề án chưa sát với thực tế.

### 2.3.2. Đối với nguồn vật lực

#### \* Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Cơ chế, chính sách ở một số lĩnh vực, nhất là quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng có nhiều thay đổi, đôi khi còn bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giải thích trong nhân dân. Việc cho thuê đất, thời hạn cho thuê quỹ đất công ích sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp không quá 05 năm, gây khó khăn cho người sử dụng đất, không thu hút được đầu tư vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Đất nông nghiệp vẫn còn manh mún, quá trình tích tụ ruộng đất diễn ra chậm, hiệu quả sử dụng đất chưa cao; chưa có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nhất là với đối tượng là hợp tác xã, nhằm phát triển kinh tế tập thể; cơ chế quản lý tài chính về đất đai chưa thực sự có hiệu quả, nguồn thu ngân sách từ đất đai chưa tương xứng với tiềm năng đất đai của tỉnh.

- Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi còn phát sinh các trường hợp tự phát, không thực hiện khai báo, không theo quy hoạch của địa phương nên xảy ra xung đột lợi ích trong quá trình canh tác giữa các hộ dân.

- Trữ lượng khoáng sản (*trầm tích cát sông*) trên sông Tiền và sông Hậu giảm rất nhiều nhưng chưa có vật liệu khác để thay thế làm vật liệu san lấp nên đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia và dự án trọng điểm giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh, những công trình này đóng góp trên 70% tăng trưởng của ngành xây dựng.

- Vẫn còn xảy ra tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, kinh doanh của người dân.

#### \* Nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội

- Công tác lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp còn chậm. Hiệu quả sử dụng đất các cụm công nghiệp chỉ đạt bình quân 64,5% (*do một số dự án đã giao đất, cho thuê đất, nhưng nhà đầu tư chưa triển khai đầu tư và một số cụm công nghiệp còn đất trống chưa giao*).

- Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ và nhiều tuyến đường Quốc lộ xuống cấp, hư hỏng nhưng chậm được sửa chữa ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hoá và tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông cao.

- Tiến độ triển khai và giải ngân của các dự án còn chậm, việc bố trí kế hoạch vốn được giao chưa phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện của từng dự án (*có dự án thừa hoặc thiếu vốn so với nhu cầu thực tế*).

### 2.3.3. Đối với nguồn tài lực

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giảm trong các năm 2020, 2021.

- Một số đơn vị chưa đẩy nhanh việc rà soát, sắp xếp lại, xử lý tài sản công; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công chưa được thực hiện thường xuyên. Việc bán cơ sở nhà đất còn chậm.

## 2.4. Nguyên nhân của những hạn chế

### 2.4.1. Nguyên nhân khách quan

- Mạng lưới trường, lớp ở một số cấp học, một số nơi do lịch sử để lại nên vẫn còn chưa phù hợp so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương.

- Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ ngành Y tế chưa phù hợp, lương và phụ cấp cho cán bộ y tế thấp, chưa tương xứng với thời gian học tập, lao động trong điều kiện làm việc vất vả, nhất là ở tuyến cơ sở; chưa có cơ chế khuyến khích, động viên những cán bộ giỏi, có trình độ chuyên môn cao để họ yên tâm công tác lâu dài.

- Việc ban hành chính sách thu hút nhân lực giỏi còn vướng, do chế độ hỗ trợ thu hút là khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì không xem xét ban hành<sup>(25)</sup>.

- Các bộ chuyên ngành chậm hướng dẫn về vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Chi phí đầu tư trồng rừng trầm cao nhưng giá trị sản phẩm thu được không cao, chu kỳ kinh doanh dài; lợi nhuận kinh tế từ trồng rừng thấp hơn so với sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản.

- Việc quản lý và sử dụng đất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của người dân và phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu; trong canh tác nông nghiệp người dân còn ít quan tâm đến việc bảo vệ và cải tạo đất đai, đã làm cho chất lượng đất ngày càng bị suy giảm.

---

<sup>(25)</sup> Theo quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Phía thượng nguồn sông Mê Công xây nhiều đập thủy điện, nên lượng phù sa (*trầm tích cát sông*) từ thượng nguồn về giảm đáng kể trong các năm gần đây. Quy định về thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản còn phức tạp, mất nhiều thời gian.

- Việc điều chỉnh, bổ sung vốn các công trình sử dụng vốn ODA, vốn Trung ương bổ sung phụ thuộc một số bộ, ngành Trung ương, trong đó có quyết định phân bổ vốn chậm ban hành.

- Kinh tế chịu ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19 và tình hình thế giới, giá cả tăng, áp lực lạm phát, một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn, các công trình tạm dừng thi công, dự toán đầu tư tăng cao, thị trường bất động sản còn đóng băng nên việc bán đấu giá các cơ sở nhà đất công còn gặp khó khăn.

- Việc thực hiện cơ chế hỗn hợp một phần cấp phát, một phần cho vay lại, theo đó việc giao kế hoạch vốn giữa vốn ngân sách Trung ương cấp phát và vốn vay lại chưa bảo đảm theo tỷ lệ vay, vì vậy ảnh hưởng tới việc phân bổ và giải ngân theo tỷ lệ giữa vốn cấp phát và vốn vay lại.

- Trình tự thủ tục các dự án vay vốn nước ngoài vẫn còn phức tạp, chủ đầu tư chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý. Thủ tục đầu tư của các dự án sử dụng nguồn vốn vay của WB khá phức tạp, tính sẵn sàng của các dự án chưa cao, mặc dù đã bố trí kế hoạch vốn nhưng đến khi triển khai thực hiện vướng mắc về hồ sơ thủ tục và công tác giải phóng mặt bằng do phải thông qua nhà tài trợ. Chính sách bồi thường hỗ trợ, tái định cư phải thực hiện theo khung chính sách tái định cư của nhà tài trợ chưa thống nhất với các chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Ngân sách Tỉnh còn hưởng trợ cấp từ ngân sách Trung ương, trong khi đó nhu cầu đầu tư lớn.

#### 2.4.2. Nguyên nhân khách quan

- Nhận thức, năng lực, tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu còn hạn chế.

- Chất lượng đội ngũ nhà giáo chưa cao (*trình độ sau đại học chiếm 31%*), ít có điều kiện tiếp cận tham gia học tập, làm việc ở các nước có nền giáo dục tiên tiến để nâng cao năng lực chuyên môn. Điều kiện, thủ tục hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp khá phức tạp, chi phí đầu tư cao nhưng hiệu quả kinh tế không cao.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên, khoáng sản còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản của người dân chưa cao.

- Công tác dự báo, phối hợp cung cấp thông tin của các đơn vị, địa phương còn chậm. Công tác giải phóng mặt bằng mất khoảng 285 ngày và khi triển khai còn chậm, thực hiện chưa quyết liệt.



- Việc đăng ký vốn của chủ đầu tư và bố trí kế hoạch vốn đầu tư công có trường hợp chưa sát với tình hình thực tiễn triển khai dự án, chưa dự báo được hết một số khó khăn trong thực hiện thủ tục và công tác đền bù, hỗ trợ tái định cư. Một số chủ đầu tư thiếu chủ động, kiểm tra, giám sát trong công tác chuẩn bị đầu tư, thiết kế dự toán.

- Một số ít đơn vị chưa quan tâm đến công tác sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017-NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ nên tiến độ thực hiện còn chậm.

- Công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại một số cơ quan chưa thực sự được quan tâm đúng mức, chưa chủ động thực hiện thường xuyên.

### **III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; trọng tâm thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Đẩy nhanh phát triển hạ tầng giao thông, tạo nền tảng kết nối và phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch gắn kết hài hoà với phát triển đô thị, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư mở rộng các tuyến quốc lộ, các đường cao tốc qua địa bàn Tỉnh. Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn hiện có và đầu tư xây dựng các tuyến đường mới phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt 100% mỗi năm. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, công khai, minh bạch và cạnh tranh bình đẳng để lựa chọn nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng công trình.

(2) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2021 về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục trong Tỉnh, nhất là chất lượng giảng dạy tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. Liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực. Quan tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ và kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, bảo đảm nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề, nâng cao năng suất lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong và ngoài nước.

**(3)** Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển kinh tế nông nghiệp quy mô lớn, phát triển nền nông nghiệp thông minh. Đẩy mạnh phát triển ngành hàng hoa kiểng gắn với việc khai thác và phát huy lợi thế của Làng hoa Sa Đéc. Mở rộng diện tích trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Phát triển rừng theo hướng bền vững, hiệu quả.

**(4)** Tập trung phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp theo hướng nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả, đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế, gắn kết nguồn lực và tham gia chuỗi các ngành hàng chủ lực của Tỉnh.

**(5)** Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực gắn với thực tiễn, nguồn lực đầu tư, tận dụng cơ hội lấy lại đà tăng trưởng nhanh và bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thành các quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch phân khu, triển khai nhanh các quy hoạch đưa vào cuộc sống thực tiễn, thu hút các nguồn lực đầu tư.

**(6)** Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, thúc đẩy chuyển đổi số tất cả các ngành lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực sẵn có trên địa bàn Tỉnh.

**(7)** Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp lại, xử lý tài sản công; thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công chưa được thực hiện.

**(8)** Thường xuyên tuyên truyền phổ biến Luật Đất đai năm 2024, thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật trên địa bàn Tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền quy định pháp luật về khai thác cát, các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước

và thường xuyên thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Điều hành khai thác, cung ứng cát khoa học để bảo đảm đủ cát cho các công trình xây dựng có sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Tỉnh; nghiên cứu, sử dụng nguồn vật liệu làm vật liệu san lấp thay thế cát sông để thực hiện các dự án.

#### **IV- KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

##### **1. Bối cảnh và điều kiện mới đặt ra**

###### ***1.1. Bối cảnh thế giới***

Dự báo tình hình thế giới và khu vực trong thời gian tới có nhiều diễn biến phức tạp, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, xung đột diễn ra dưới những hình thức mới và gay gắt hơn. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... diễn biến khó đoán định. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

###### ***1.2. Bối cảnh trong nước***

Kinh tế trong nước có những cơ hội, thuận lợi nhờ nền tảng chính trị, xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; một số chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh được triển khai thực hiện; nhiều dự án, công trình lớn được đưa vào sử dụng, góp phần gia tăng năng lực sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng.

Thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều; quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên.

Niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể, tăng độ mở nền kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn.

Khu vực kinh tế tư nhân đóng góp ngày càng lớn và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Thành quả xây dựng nông thôn mới được củng cố, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện.

Khát vọng vì một Việt Nam thịnh vượng, ý chí tự lực, tự cường là sức mạnh nội sinh cho đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.

### ***1.3. Những thuận lợi đối với tỉnh Đồng Tháp***

Các dự án hạ tầng kết nối vùng quy mô lớn của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đang và sẽ triển khai sẽ tác động tích cực đến Tỉnh (*cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh, cầu Ô Môn - Cần Thơ...*).

Thị trường thương mại, du lịch liên vùng được mở rộng kết hợp với việc khai thác hiệu quả hệ thống cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường thủy với Campuchia tạo thêm cơ hội cho Tỉnh phát triển.

Xu hướng chuyển đổi mang tính bắt buộc về cơ cấu kinh tế, môi trường sinh thái... của các tỉnh hạ nguồn sông Mê Công do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh mới cho tỉnh Đồng Tháp, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nguồn nước ngọt và phát triển đô thị.

Xu hướng tăng trưởng xanh, tiêu dùng xanh mang lại động lực chuyển đổi tích cực cho mọi sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, du lịch... phù hợp với thế mạnh, tiềm năng của tỉnh Đồng Tháp.

### ***1.4. Những khó khăn, thách thức đối với tỉnh Đồng Tháp***

Hệ quả ngày càng rõ nét của các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu như: Thay đổi chế độ thủy văn, suy giảm nguồn nước ngọt, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm lượng phù sa, suy giảm chất lượng đất và tài nguyên cát ảnh hưởng đến cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đòi hỏi cần có cách thích ứng.

Nguy cơ khủng hoảng từ sự xuất hiện của các yếu tố bất định (*dịch bệnh, sự cố môi trường, khủng hoảng năng lượng...*).

Tính cạnh tranh trong phát triển giữa các địa phương trong vùng ngày càng cao tác động đến sự phân bổ các nguồn lực.

Yêu cầu nâng cao số lượng, chất lượng nguồn lao động trong thời gian ngắn trước áp lực di cư lao động trẻ trên diện rộng và xu hướng già hóa dân số ảnh hưởng đến nguồn nhân lực.

Yêu cầu đẩy nhanh đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ. Giải quyết bài toán chuyển đổi lao động, việc làm từ khu vực thuần nông sang các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao. Giải quyết điểm nghẽn về cơ sở hạ tầng giao thông và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

## **2. Kiến nghị, đề xuất những nội dung trọng tâm đưa vào dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW trong thời gian tới**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế và các giải pháp chủ yếu để phát triển nguồn nhân lực, chú trọng thu hút và sử dụng người tài hiệu quả, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia, ứng phó với biến đổi khí hậu; xem nước ngọt là tài nguyên cần được bảo vệ hàng đầu để bảo đảm cuộc sống của người dân. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, nhất là việc nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu, bảo đảm nguồn lực tài chính bền vững cho các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động cải cách tiền lương.

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, ban hành chính sách, pháp luật về đầu tư, nhất là chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của nhà tài trợ và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam, các cơ chế chính sách thu hút nhân lực giỏi cả tài và đức đặc thù theo từng ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của quốc gia, trong đó có ngành Y tế.

## **3. Kiến nghị các Ban cán sự đảng bộ, ngành Trung ương**

(1) Kiến nghị Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó kiến nghị điều chỉnh thời gian đầu tư tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh, đoạn Hồng Ngự - Cao Lãnh trước năm 2030.

(2) Hiện nay, do nhu cầu sử dụng cát rất nhiều, kể cả cát có nhiều tạp chất như bùn đất (*cát ở những bãi bồi, cồn nổi*). Trong khi các bãi bồi, cồn nổi này thời gian qua không nằm trong Quy hoạch khai thác khoáng sản. Do đó, địa phương đưa vào Kế hoạch thực hiện dự án nạo vét bãi bồi, chỉnh trị dòng chảy trên sông kết hợp thu hồi sản phẩm nạo vét để phục vụ san lấp các công trình đầu tư công. *Tuy nhiên, nội dung này từ trước đến nay chưa có quy định cụ thể, về trình tự thủ tục thực hiện (chỉ có quy định về nạo vét tuyến luồng đường thủy, luồng hàng hải, bến thủy nội địa, cảng biển tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ)*. Vì vậy, kiến nghị Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn việc thực hiện nạo vét các bãi bồi, chỉnh trị dòng chảy trên sông kết hợp thu hồi sản phẩm nạo vét để phục vụ san lấp các công trình đầu tư công, nhằm giảm bớt áp lực nhu cầu cát trong giai đoạn hiện nay.

(3) Kiến nghị Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn hoặc tham mưu Chính phủ quy định bổ sung quy trình cấp phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (*đất san lấp*) bảo đảm đơn giản, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục để địa phương có thể giải quyết nhu cầu cấp bách về vật liệu phục vụ các công trình cấp bách của địa phương và Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải,
- Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường,
- Các đồng chí lãnh đạo các Vụ phụ trách địa bàn Tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Ban Thường vụ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ + PTH + PKT-XH (Ngh).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Phan Văn Thắng**

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục các văn bản quy pháp luật đã được kiểm soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành mới; các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền**  
*(Kèm theo Báo cáo số 586-BC/TU ngày 21/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)*

-----

<b>STT</b>	<b>SỐ KÝ HIỆU</b>	<b>NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN</b>	<b>CẤP BAN HÀNH</b>
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT</b>		
<b>1</b>	Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 23/11/2020	Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp năm 2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
<b>B</b>	<b>CÁC VĂN BẢN ĐỐI VỚI TỪNG NGUỒN LỰC</b>		
<b>I</b>	<b>NGUỒN NHÂN LỰC</b>		
<b>1</b>	Nghị quyết số 119/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017	Nghị quyết về quy định mức hỗ trợ mô hình "Nhóm trẻ cộng đồng, lớp mẫu giáo cộng đồng" đến năm 2020	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>2</b>	Nghị quyết số 384/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>3</b>	Nghị quyết số 72/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021	Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>4</b>	Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	Quyết định ban hành kèm theo Quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
<b>5</b>	Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 29/12/2019	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo sau đại học đối với viên chức ngành giáo dục và đào tạo và cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
<b>6</b>	Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021	Nghị quyết ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh

STT	SỐ KÝ HIỆU	NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN	CẤP BAN HÀNH
7	Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
8	Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	Quyết định ban hành quy chế đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
9	Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023	Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
10	Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	Quyết định ban hành quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc tại hội trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
II	NGUỒN VẬT LỰC		
*	<i>Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên</i>		
11	Nghị quyết số 299/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	Nghị quyết ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024)	Hội đồng nhân dân Tỉnh
12	Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019	Quyết định ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
13	Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019	Quyết định ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024)	Ủy ban nhân dân Tỉnh
14	Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	Quyết định ban hành đơn giá quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
15	Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024)	Ủy ban nhân dân Tỉnh



STT	SỐ KÝ HIỆU	NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN	CẤP BAN HÀNH
16	Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 06/08/2021	Quyết định ban hành Quy định về quản lý và khai thác quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
17	Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 07/03/2023	Quyết định quy định thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
18	Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND - 09/03/2023	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh	Ủy ban nhân dân Tỉnh
19	Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Quyết định sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 1, Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1, Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh	Hội đồng nhân dân Tỉnh
20	Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
*	<i>Nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội</i>		

<b>STT</b>	<b>SỐ KÝ HIỆU</b>	<b>NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN</b>	<b>CẤP BAN HÀNH</b>
<b>21</b>	Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021	Nghị quyết về Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>22</b>	Nghị quyết số 331/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Nghị quyết ban hành chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>23</b>	Nghị quyết số 230/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019	Nghị quyết bổ sung danh mục dự án đầu tư vào Nghị quyết 204/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh về việc thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 do Tỉnh quản lý và phân bổ	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>24</b>	Nghị quyết số 231/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019	Phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>25</b>	Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019	Nghị quyết bổ sung danh mục dự án đầu tư vào Nghị quyết số 204/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh về việc thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 do Tỉnh quản lý và phân bổ	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>26</b>	Nghị quyết số 291/2019/NQ-HĐND Ngày 07/12/2019	Nghị quyết về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 1)	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>27</b>	Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Nghị quyết về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2)	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>28</b>	Nghị quyết số 331/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Nghị quyết ban hành chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>29</b>	Nghị quyết số 375/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Nghị quyết về việc thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 do Tỉnh quản lý và phân bổ	Hội đồng nhân dân Tỉnh

<b>STT</b>	<b>SỐ KÝ HIỆU</b>	<b>NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN</b>	<b>CẤP BAN HÀNH</b>
<b>30</b>	Nghị quyết số 379/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Nghị quyết số thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>31</b>	Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	Nghị quyết số quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực và nội dung hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>32</b>	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>33</b>	Nghị quyết số 296/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>III</b>	<b>NGUỒN TÀI LỰC</b>		
<b>34</b>	Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>35</b>	Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 25/3/2023	Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 79/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Hội đồng nhân dân Tỉnh
<b>36</b>	Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Nghị quyết về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các	Hội đồng nhân dân Tỉnh

STT	SỐ KÝ HIỆU	NỘI DUNG/TÊN VĂN BẢN	CẤP BAN HÀNH
		cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022	
37	Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023	Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022	Hội đồng nhân dân Tỉnh
38	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 28/7/2022.	Quyết định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, trong đó đẩy mạnh hơn nữa việc phân cấp phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm cho ngành y tế	Ủy ban nhân dân Tỉnh
39	Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	Quyết định về Ban hành Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
40	Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh
41	Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	Quyết định ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ủy ban nhân dân Tỉnh



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KH đến 2025	Kết quả thực hiện					Giai đoạn 2019 - 2023	KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NĂM 2025
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
2.1	Lao động được giải quyết việc làm hàng năm	Lao động/năm	30.000	34.306	34.306	43.166	38.345	38.419	37.708	Đạt
	<i>Trong đó:</i> Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài	Lao động	1.500	2.019	1.104	1.512	1.779	2.007	84.21	Đạt
2.2	Tỷ lệ thất nghiệp	%	< 3	1,28	2,79	5,44	4,94	4,5	3,796	Đạt
2.3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đã xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định	%				100	100	100	100	Đạt
	- Sắp xếp bộ máy	Đơn vị		Giảm 24 phòng, 04 Chi cục thuộc các thuộc Sở, ngành Tỉnh, 79 đơn vị sự nghiệp công lập						Đạt
	- Tinh giản biên chế	Biên chế		Giảm 78 biên chế hành chính và 2.545 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước						Đạt
	<i>Trong đó:</i> Tổng số biên chế	Biên chế	28.751	32.423	31.363	30.969	30.446	29.800		Đạt



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KH đến 2025	Kết quả thực hiện					Giai đoạn 2019 - 2023	KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NĂM 2025
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
4	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; quản lý khai thác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; đầu tư và vận hành có hiệu quả mạng lưới trạm quan trắc môi trường									
4.1	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.				141 cơ chế, chính sách					Đạt
4.2	Quản lý khai thác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên									
	Tỷ lệ diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng	ha	100	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt
4.3	Đầu tư và vận hành có hiệu quả mạng lưới trạm quan trắc môi trường									
	Số trạm quan trắc	trạm	6	0,0	Đang đầu tư				0	Đạt



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KH đến 2025	Kết quả thực hiện					Giai đoạn 2019 - 2023	KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NĂM 2025
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
5	Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, kết nối									
	Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm	số lượng công trình	23	0	0	7/23	5/23	4/23	16/23	22/23
III	NGUỒN TÀI LỰC									
6	Tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước (%)	%/năm	8 - 10	25,59	- 3,88	-14,44	9,20	5,89	3,6	Khó đạt
6.1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn <i>(không bao gồm bổ sung từ ngân sách Trung ương)</i>	Tỷ đồng		8.771	8.431	7.213	7.877	8.341	40.633	
6.2	Giải ngân vốn đầu tư công	%		78,66	75,35	76,56	89,01	98,7	79-99	